

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : L0672009 - Cơ học cơ sở
Lớp :

STC : 2(30,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Trần Huy	Du	3710104001	09/09/1991	3,00	3,00	3,00	
2	Mai Tấn	Lâm	3710104002	22/06/1991	7,00	5,00	5,60	
3	Trần Minh	Khương	3710104003	22/09/1992	4,00	5,00	4,70	
4	Dương Đỗ Thành	Thịnh	3710104004	10/02/1991	4,00	5,00	4,70	
5	Nguyễn Thái	Bình	3710104005	16/03/1992	3,00	4,00	3,70	
6	Dương Minh	Trí	3710104006	15/02/1992	5,00	3,00	3,60	
7	Lê Văn	Sen	3710104010	10/01/1992	3,00	5,00	4,40	
8	Huỳnh Thanh	Luân	3710104016	23/09/1990	,00			
9	Trần Minh	Thắng	3710104017	20/10/1991	,00			
10	Nguyễn Hồng	Long	3710104018	20/06/1992	8,00	7,00	7,30	
11	Nguyễn Minh	Dũng	3710104019	07/08/1992	3,00	8,00	6,50	
12	Đồng Anh	Khoa	3710104020	17/05/1990	5,00	8,00	7,10	
13	Nguyễn Thành	Huân	3710104024	16/08/1991	3,00	5,00	4,40	
14	Nguyễn Thị	An	3710104033	07/09/1991	4,00	5,00	4,70	
15	Võ Văn	Ân	3710104035	20/03/1991	5,00	5,00	5,00	
16	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	3710104036	10/09/1991	7,00	5,00	5,60	
17	Bùi Khắc	Hùng	3710104039	16/07/1991	6,00	4,00	4,60	
18	Nguyễn Viết	Tùng	3710104040	10/05/1991	7,00	5,00	5,60	
19	Ngô Đức	Huân	3710104041	28/03/1990	3,00	5,00	4,40	
20	Phan Tiến	Châu	3710104042	14/08/1990	5,00	5,00	5,00	
21	Lê Duy	Tài	3710104043	04/08/1991	6,00	5,00	5,30	
22	Nguyễn Văn	Thùy	3710104049	07/03/1991	4,00	5,00	4,70	
23	Trần Văn	Kiên	3710104050	05/10/1992	4,00	4,00	4,00	
24	Nguyễn Quốc	Trường	3710104051	10/10/1990	5,00	5,00	5,00	
25	Nguyễn Quốc	Đạt	3710104056	06/06/1992	5,00	5,00	5,00	
26	Tổng Hữu	Nghĩa	3710104058	30/10/1990	5,00	8,00	7,10	
27	Trần Phước	Vinh	3710104064	18/03/1988	5,00	5,00	5,00	
28	Hồ Sỹ	Chiến	3710104065	27/12/1985	3,00	5,00	4,40	
29	Phan Tấn	Hiệp	3710104068	14/01/1991	3,00	3,00	3,00	
30	Nguyễn Anh	Chân	3710104071	22/04/1988	5,00	5,00	5,00	
31	Trần Bình	Tuy	3710104072	07/07/1976	4,00	5,00	4,70	
32	Lê Hữu	Nam	3710104073	12/06/1990	4,00	5,00	4,70	
33	Trần Văn	Va	3710104075	10/09/1991	4,00	5,00	4,70	
34	Hồ Xuân	Tường	3710104085	19/07/1989	6,00	5,00	5,30	
35	Trần Công	Phong	3710104086	17/12/1990	3,00	3,00	3,00	

STT	Họ và tên	MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
				Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Đỗ Hồng Tú	3710104088	02/10/1986	6,00	6,00	6,00	
37	Nguyễn Văn Thành	3710104091	27/01/1989	6,00	5,00	5,30	
38	Lý Văn Phương	3710104092	14/04/1989	5,00	4,00	4,30	
39	Nguyễn Quang Vũ	3710104093	12/09/1987	3,00			
40	Bùi Đình Cường	3710104102	04/09/1991	5,00	8,00	7,10	
41	Nguyễn Thành Tân	3710104107	09/01/1991	7,00	5,00	5,60	
42	Nguyễn Hữu Lộc	3710104108	04/10/1992	4,00	4,00	4,00	
43	Nguyễn Ngọc Hiếu	3710104111	25/07/1992	6,00	4,00	4,60	
44	Lê Quang Thao	3710104113	10/01/1990	4,00	5,00	4,70	
45	Trương Văn Danh	3710104116	20/10/1988	3,00	5,00	4,40	
46	Tô Kỳ Mô	3710104119	12/12/1992	3,00	5,00	4,40	
47	Ngô Đình Quân	3710104121	26/10/1992	4,00	,00	1,20	
48	Huỳnh Công Phước	3710104122	30/11/1990	4,00	4,00	4,00	
49	Trần Quang Thái	3710104127	24/06/1990	5,00	5,00	5,00	
50	Nguyễn Thanh Thuần	3710104128	02/09/1991	4,00	5,00	4,70	
51	Lê Xuân Giáp	3710104133	04/07/1985	4,00	5,00	4,70	
52	Nguyễn Đức Minh Tuấn	3710104134	07/06/1992	4,00	5,00	4,70	
53	Dương Ngọc Sơn	3710104142	30/01/1991	6,00	5,00	5,30	
54	Nguyễn Tăng Nhiệm	3710104143	12/04/1988	4,00	3,00	3,30	
55	Huỳnh Công Hậu	3710104145	17/04/1989	1,00	5,00	3,80	
56	Nguyễn Phước Hậu	3710104149	18/08/1987	3,00	4,00	3,70	
57	Nguyễn Danh	3710104150	16/06/1990	3,00	3,00	3,00	
58	Lê Xuân Hòa	3710104151	09/06/1990	4,00			
59	Nguyễn Thanh Tài	3710104158	02/01/1992	4,00	7,00	6,10	
60	Nguyễn Cao Cường	3710104160	10/05/1990	,00			
61	Nguyễn Thành Long	3710104170	29/02/1988	3,00	1,00	1,60	
62	Lê Văn Hên	3710104172	00/00/1991	,00			
63	Bồ Xuân Thành	3710104173	16/11/1989	,00			
64	Nguyễn Tú Tiến	3710104178	17/07/1988	3,00			
65	Nguyễn Văn Hào	3710104179	20/08/1992	4,00	5,00	4,70	